

THÔNG TƯ

quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không

Thông tư số 11/2020/TT-BGTVT ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2020/TT-BGTVT ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023;

2. Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;¹

¹ Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ tại các cảng vụ hàng không.

“Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2020/TT-BGTVT ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không. ”.

Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải. ”.

Điều 2. Mã số các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không²

1. Cảng vụ viên hàng không hạng I	Mã số: V.12.01.01
2. Cảng vụ viên hàng không hạng II	Mã số: V.12.01.02
3. Cảng vụ viên hàng không hạng III	Mã số: V.12.01.03
4. Cảng vụ viên hàng không hạng IV	Mã số: V.12.01.04
5. ³ Cảng vụ viên hàng không hạng V	Mã số: V.12.01.05

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không

1. Chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2. Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.
3. Có ý thức trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín nghề nghiệp; không lạm dụng vị trí công tác, nhiệm vụ được phân công để trục lợi; đoàn kết, sáng tạo, tự nâng cao trình độ, sẵn sàng tiếp thu, học hỏi kiến thức mới; có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác; tích cực tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để phát triển nghề nghiệp và nâng cao trình độ.

Chương II
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Cảng vụ viên hàng không hạng I - Mã số: V.12.01.01

1. Nhiệm vụ

- a) Chủ trì tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của cảng vụ hàng không theo quy định của pháp luật;
- b) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, kế hoạch phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phạm vi nhiệm vụ của cảng vụ hàng không;
- c) Chủ trì việc tổ chức biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của cảng vụ hàng không; chủ trì tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cảng vụ hàng không theo quy định của pháp luật;

² Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

d) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng quy định, quy chế quản lý nghiệp vụ chuyên ngành hàng không dân dụng theo lĩnh vực được phân công;

đ) Chủ trì nghiên cứu đề tài, đề án và các công trình nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành, lĩnh vực công tác;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao.

2.⁴ Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững và am hiểu quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực hàng không dân dụng; chức năng, nhiệm vụ của cảng vụ hàng không;

b) Nắm vững chiến lược, chính sách, tình hình và xu thế phát triển ngành hàng không dân dụng trong nước và thế giới;

c) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các đề án, chương trình gắn với chuyên môn nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác;

d) Thành thạo các kỹ năng thuyết trình, bảo vệ và tổ chức thực hiện để xây dựng và triển khai các dự án, đề án, chương trình liên quan đến công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực hàng không dân dụng;

đ) Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất các phương pháp để hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách;

e) Có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách;

g)⁵ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

4.⁶ (được bãi bỏ)

Điều 5. Cảng vụ viên hàng không hạng II - Mã số: V.12.01.02

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của cảng vụ hàng không theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia nghiên cứu, đề xuất xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, kế hoạch phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phạm vi nhiệm vụ của cảng vụ hàng không;

c) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ thuộc các nhiệm vụ được giao; chủ trì tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

d) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng quy định, quy chế quản lý nghiệp vụ chuyên ngành hàng không dân dụng theo lĩnh vực được phân công;

đ) Trực tiếp thực hiện, chỉ đạo, theo dõi, điều hành hoạt động chuyên môn của lĩnh vực được phân công; xây dựng báo cáo, thống kê, quản lý hồ sơ lưu trữ, thực hiện quy trình nghiệp vụ;

e) Tổ chức, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hàng không tại cảng hàng không, sân bay thuộc chức năng, nhiệm vụ của cảng vụ hàng không theo quy định của pháp luật;

g) Tham mưu, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát và đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý thuộc lĩnh vực được phân công;

h) Chủ trì nghiên cứu đề tài, đề án về quản lý nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuộc lĩnh vực được phân công;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao.

2.⁷ Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023; được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

a) Nắm vững và am hiểu quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực hàng không dân dụng; chức năng, nhiệm vụ của cảng vụ hàng không;

b) Nắm vững chiến lược, chính sách, tình hình và xu thế phát triển ngành hàng không dân dụng trong nước và thế giới;

c) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định thuộc lĩnh vực được phân công;

d) Tổ chức hoặc phối hợp kiểm tra, đánh giá, tổng kết thực thi chính sách theo ngành, lĩnh vực được phân công;

đ)⁸ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4.⁹ (được bãi bỏ)

Điều 6. Cảng vụ viên hàng không hạng III - Mã số: V.12.01.03

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công;

b) Tham gia nghiên cứu, đề xuất đối với các chủ trương, chính sách, định hướng, kế hoạch phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

c) Nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực được phân công theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đề xuất các biện pháp để thực hiện các quy định hoặc quyết định quản lý đạt kết quả; trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện và tuân thủ các quy định của pháp luật về hàng không dân dụng tại các cảng hàng không, sân bay;

đ) Tham gia kiểm tra, thu thập thông tin, thống kê, quản lý hồ sơ, lưu trữ tư liệu, số liệu về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực được giao;

e) Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan và phối hợp với các viên chức khác trong triển khai công việc, làm đúng thẩm quyền và trách nhiệm được giao;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao.

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023; được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

2.¹⁰ Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách của ngành hàng không dân dụng và các kiến thức về lĩnh vực được phân công;
- b) Hiểu rõ các mục tiêu và đối tượng quản lý, các nguyên tắc và cơ chế quản lý của nghiệp vụ thuộc phạm vi công việc được giao;
- c) Nắm rõ quy trình xây dựng các phương án, kế hoạch, các quyết định cụ thể và có kiến thức am hiểu về ngành, lĩnh vực được giao;
- d) Có năng lực thuyết trình, phân tích, tổng hợp, báo cáo, xử lý công việc; có phương pháp nghiên cứu, tổng kết và đề xuất giải pháp nâng cao nghiệp vụ quản lý;
- đ) Có năng lực tổ chức triển khai công việc được giao bảo đảm tiến độ, chất lượng; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có kỹ năng sử dụng các trang thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác chuyên môn;
- e) Am hiểu tình hình thực tiễn liên quan đến lĩnh vực công tác, nhiệm vụ được giao; nắm được xu hướng phát triển của ngành hàng không dân dụng, lĩnh vực chuyên môn được phân công;
- g)¹¹ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4.¹² (được bãi bỏ)

Điều 7. Cảng vụ viên hàng không hạng IV - Mã số: V.12.01.04

1. Nhiệm vụ

- a) Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, các quy chế, quy định, tài liệu hướng dẫn chuyên ngành hàng không của các tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng hàng không, sân bay;

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

¹¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

¹² Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023; được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

b) Tham mưu đầy đủ và có hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công theo quy định của pháp luật; tham gia hoặc phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Phân tích, đánh giá hiệu quả, báo cáo kịp thời, đề xuất giải pháp theo yêu cầu, nhiệm vụ được giao;

d) Thực hiện chế độ quản lý hồ sơ tài liệu, tổ chức thống kê lưu trữ các tài liệu, số liệu đầy đủ, chính xác theo yêu cầu nhiệm vụ;

đ) Tham gia xây dựng dự thảo quy trình, quy định, quy chế nội bộ;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao.

2.¹³ Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay;

b) Có khả năng phân tích, tổng hợp, báo cáo, xử lý công việc; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có năng lực phối hợp hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Nắm chắc các nguyên tắc, chế độ, thể lệ, thủ tục và các hướng dẫn nghiệp vụ, mục tiêu quản lý của ngành, lĩnh vực;

d) Hiểu được tính chất, đặc điểm hoạt động của các đối tượng quản lý và nghiệp vụ quản lý;

đ) Dự thảo được các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ và tham gia triển khai theo đúng chỉ đạo của cấp trên; biết sử dụng các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác chuyên môn;

e)¹⁴ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

¹⁴ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

4.¹⁵ (được bãi bỏ)

Điều 7a. Cảng vụ viên hàng không hạng V - Mã số V.12.01.05¹⁶

1. Nhiệm vụ

a) Trực tiếp triển khai thực hiện hoặc phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Thực hiện chế độ quản lý hồ sơ tài liệu, tổ chức lưu trữ các tài liệu, số liệu đầy đủ, chính xác theo yêu cầu nhiệm vụ;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm chắc các nguyên tắc và các hướng dẫn nghiệp vụ, quy trình tác nghiệp theo yêu cầu nhiệm vụ được giao;

b) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

c) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

Chương III

XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG

Điều 8. Nguyên tắc thực hiện việc xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không

1. Việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này.

¹⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023; được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

¹⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

2. Khi chuyển xếp từ chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 9. Chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không

1. Các chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau:

- a) Chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;
- b) Chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;
- c) Chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không hạng III được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;
- d) Chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không hạng IV được áp dụng hệ số lương viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89;
- đ)¹⁷ Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên hàng không hạng V được áp dụng hệ số lương viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Việc xếp lương đối với viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không đang xếp lương ở các ngạch công chức, viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành hàng không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức, cụ thể như sau:

- a) Xếp lương cảng vụ viên hàng không hạng I, mã số V.12.01.01, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A3, nhóm 1 (A3.1);
- b) Xếp lương cảng vụ viên hàng không hạng II, mã số V.12.01.02, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A2, nhóm 1 (A2.1);
- c) Xếp lương cảng vụ viên hàng không hạng III, mã số V.12.01.03, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A1;
- d) Xếp lương cảng vụ viên hàng không hạng IV, mã số V.12.01.04, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A0;

¹⁷ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

đ)¹⁸ Xếp lương Cảng vụ viên hàng không hạng V, mã số V.12.01.05, đối với viên chức hiện đang xếp lương loại B.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN¹⁹**

Điều 10.²⁰ (được bãi bỏ)

Điều 11. Hiệu lực thi hành²¹

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

¹⁸ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

¹⁹ Chương này được bổ sung bởi Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

²⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

²¹ Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023, quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp viên chức chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 7a Thông tư số 11/2020/TT-BGTVT ngày 21/5/2020 thì thực hiện như sau:

1. Nếu viên chức còn thời hạn dưới 05 năm (60 tháng) công tác tính đến thời điểm nghỉ hưu thì tiếp tục được giữ ngạch hoặc hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và xếp lương theo ngạch hiện hưởng;

2. Nếu viên chức còn thời hạn từ 05 năm (60 tháng) công tác trở lên, trong thời hạn 03 năm (36 tháng) cơ quan sử dụng viên chức có trách nhiệm bố trí để viên chức học tập đảm bảo đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGTVT ngày 21/5/2020. Sau thời gian quy định tại khoản này, nếu viên chức không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này thì người đứng đầu cảng vụ hàng không xem xét bố trí công việc khác phù hợp hoặc giải quyết chế độ chính sách theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

2. Bãi bỏ Điều 10 Thông tư số 11/2020/TT-BGTVT ngày 21/5/2020.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”.

Điều 6 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024, quy định như sau:

“Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 38/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tìm kiếm cứu nạn hàng hải, thông tin an ninh hàng hải;

b) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa;

c) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 40/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng hải;

d) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 41/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải;

đ) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường thủy;

e) Điểm c khoản 2 Điều 1, điểm c khoản 3 Điều 1, điểm c khoản 4 Điều 1, điểm c khoản 5 Điều 1 Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành²²

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên CSDL quốc gia về pháp luật);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục HKVN.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Lê Anh Tuấn

điều của Thông tư số 11/2020/TT-BGTVT ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không;
g) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 7 Thông tư số 45/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm;
h) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;
i) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật bến phà;
k) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 49/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.”.

²²Điều 7 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024, quy định như sau:

“Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”.